| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN V**<br>**TỈNH ĐỒNG THÁP** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 07/2018/DS-ST
Ngày 22-6-2018
V/v tranh chấp hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH ĐỒNG THÁP**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Lê Quan Nam

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Đỗ Hồng Quân

2. Ông Nguyễn Bạch Linh

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Bùi Lê Phú Quý là Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Đồng Tháp.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V tham gia phiên tòa:* Bà Huỳnh Thị Ngọc Bích là Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 6 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 136/2017/TLST-DS ngày 30 tháng 6 năm 2017, về việc *"Tranh chấp về hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2018/QĐXXST-DS, ngày 04/6/2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Hồ Bích T, sinh năm 1974; (Có mặt tại phiên tòa)

Địa chỉ: Số 152B, ấp V, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn*: Ông Hồ Tấn N, sinh năm 1945; (Có mặt tại phiên tòa)

Địa chỉ: Số 465, ấp H, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Nguyễn Thị X, sinh năm 1946;
2. Hồ Thanh T1, sinh năm 1972; (Có mặt tại phiên tòa)
3. Phan Hồng C, sinh năm 1973;
4. Hồ Thanh T2, sinh năm 1981;
5. Phan Hồng P, sinh năm 1992;

6. Phan Hồng H, sinh năm 1997;

7. Hồ Quốc T3, sinh năm 1970;

8. Hồ Quốc V, sinh năm 1983;

Cùng địa chỉ: Số 465, ấp H, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của Hồ Quốc V, Nguyễn Thị X, Phan Hồng C, Hồ Quốc T3, Hồ Thanh T2, Phan Hồng P, Phan Hồng H: Ông Hồ Tấn N, sinh năm 1945; địa chỉ: Số 465, ấp H, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Tháp là người đại diện theo ủy quyền của V, X, C, T3, T1, P, H theo Văn bản ủy quyền các ngày 21, 28, 29, 30 tháng 8 năm 2017 và ngày 11 tháng 9 năm 2017) (Có mặt tại phiên tòa).

9. Hồ Thanh T4, sinh năm 1968;

Địa chỉ: Số 304, khóm S, phường D, thành phố D, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của Hồ Thanh T4: Chị Hồ Bích T, sinh năm 1974; Địa chỉ: Số 152B, ấp V, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Tháp là người đại diện theo ủy quyền của Hồ Thanh T4 (Theo Văn bản ủy quyền ngày 15 tháng 6 năm 2017) (Có mặt tại phiên tòa).

10. Lê Thị H, sinh năm 1988;

Địa chỉ: Số 268, ấp T, xã M, V, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của Lê Thị H: Ông Lại Hữu H, sinh năm 1959; Địa chỉ: Số 268, ấp T, xã M, huyện V, tỉnh Đồng Tháp là người đại diện theo ủy quyền của Lê Thị H (Văn bản ủy quyền ngày 03 tháng 4 năm 2018). (Có mặt tại phiên tòa)

11. Phan Thị Diễm T5, sinh năm 1973;

Địa chỉ: Số 46C, KDC P, xã D, thành phố D, Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của Phan Thị Diễm T5: Hồ Tấn N, sinh năm 1945. Địa chỉ số: 465, ấp H xã T, huyện V, Đồng Tháp là người đại diện theo ủy quyền của chị T5 (Văn bản ủy quyền ngày 01 tháng 6 năm 2018). (Có mặt tại phiên tòa)

12. Ủy ban nhân dân huyện V;

Địa chỉ: QL 80, khóm B, thị trấn V, huyện V, Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của Ủy ban nhân dân huyện V: Ông Đặng Hữu Tâm. Chức vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện V là người đại diện theo pháp luật của Ủy ban nhân dân huyện V. (Có đơn xin vắng mặt)

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*- Chị Hồ Bích T là nguyên đơn đồng thời cũng là người đại diện cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Hồ Thanh T4 trình bày:*

Nguồn gốc thửa đất số 317, 319 cùng tờ bản đồ số 01 tọa lạc xã T huyện V, tỉnh Đồng Tháp là của ông Hồ Văn Hai là cha của ông Hồ Tấn N để lại cho hộ gia đình ông N sử dụng từ năm 1975. Đến năm 1993, UBND huyện TH (Nay là huyện V) cấp giấy chứng nhận quyền cho hộ ông N và ông N đại diện hộ gia đình đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với hai thửa đất trên. Tại thời điểm ngày 01/7/1993, hộ gia đình ông N gồm có: Hồ Tấn N, Nguyễn Thị X, Hồ Thanh T1, Hồ Bích T, Hồ Quốc Th, Hồ Thanh T2, Hồ Quốc V, Phan Hồng C, Hồ Thanh T4. Sau khi ông N đứng tên quyền sử dụng đất, ông N sử dụng đất đến ngày 18/02/2011, ông Hồ Tấn N cùng các thành viên trong hộ gia đình (Hộ gia đình tại thời điểm 2011) làm hợp đồng tặng cho 02 thửa đất trên cho chị Hồ Thanh T1 theo hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số 26 và số 27 cùng quyển số 01 TP/CC-SCT/HĐGD đối với thửa đất số 317 diện tích 1.900m$^2$ và thửa đất số 319 diện tích 1.500m$^2$ cùng tờ bản đồ số 01, đất tọa lạc tại xã T, huyện V, tỉnh Đồng Tháp cho chị Hồ Thanh T1. Nhưng vào thời điểm năm 2011 làm hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất, chị Hồ Bích T và chị Hồ Thanh T4, anh Hồ Quốc V không có ký tên vào hợp đồng. Sau khi Hồ Thanh T1 được đứng tên quyền sử dụng đất thì T1 thế chấp 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nó trên cho Lê Thị H để vay số tiền 400.000.000 đồng, số tiền vay này T1 không trả cho H, nên chị H khởi kiện T1 và Tòa án nhân dân huyện V giải quyết xong và Chi cục Thi hành án dân sự huyện V đã kê biên 02 quyền sử dụng đất nói trên của T1 để thi hành án, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hiện do Chi cục Thi hành án dân sự huyện V giữ.

Nay chị T yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số 26 và số 27 cùng quyển số 01 TP/CC-SCT/HĐGD cùng ngày 18/02/2011 giữa hộ ông Hồ Tấn N với chị Hồ Thanh T1 và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số bìa BE 240500, số vào sổ CH 00541 đối với thửa đất số 317, diện tích 1900m$^2$ (CLN) và hùy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số bìa BE 240501, số vào sổ CH 00540 đối với thửa đất số 319, diện tích 1500m$^2$ (Trong đó: 300m$^2$ (ONT) và 1.200m$^2$ (CLN)) cùng tờ bản đồ số 01, cả 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được Ủy ban nhân dân huyện V cấp vào ngày 11/3/2011, đất tọa lạc tại xã T, huyện V, tỉnh Đồng Tháp hiện do Hồ Thanh T1 đứng tên, ngoài ra chị T không yêu cầu nào khác.

*- Ông Hồ Tấn N là bị đơn đồng thời cũng là người đại diện theo ủy quyền của Hồ Quốc V, Nguyễn Thị X, Phan Hồng C, Hồ Quốc T3, Hồ Thanh T2, Phan Hồng P, Phan Hồng H, Phan Thị Diễm T5 trình bày:*

Ông N thống nhất theo lời trình bày của chị T nói trên về nguồn gốc đất. Đồng thời vào ngày 18/02/2011 ông Hồ Tấn N có làm hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho chị Hồ Thanh T1 theo hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số 26 và số 27 cùng quyển số 01 TP/CC-SCT/HĐGD đối với thửa đất số 317, diện tích 1.900m$^2$ và thửa đất số 319, diện tích 1.500m$^2$ cùng tờ bản đồ số 01, đất tọa lạc tại xã T, huyện V, tỉnh Đồng Tháp do ông Hồ Tấn N đại diện hộ đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất 02 thửa đất nói trên là cấp cho hộ ông N, khi làm hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho chị

T5 vào năm 2011 các thành viên trong hộ hầu hết đã ký tên vào hợp đồng tặng cho này chỉ có Hồ Bích T, Hồ Thanh T4 và Hồ Quốc V là không ký tên. Ông N tặng cho 02 thửa đất cho chị T5 để chị T5 đi vay tiền ở Ngân hàng lấy vốn làm ăn. Nhưng đến năm 2013, ông N mới biết là chị T5 vay tiền của Lê Thị H và đã thế chấp 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 317 và thửa đất số 319 trên cho chị H. Do T1 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, nên chị H khởi kiện chị T5 tại Tòa án huyện V, Tòa án nhân dân huyện V đã giải quyết xong và Cơ quan Thi hành án dân sự huyện V đã có quyết định cưỡng chế kê biên 02 thửa đất trên, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hiện do Chi cục Thi hành án dân sự huyện V đang quản lý.

Nay ông N đồng ý hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số 26 và số 27 cùng quyển số 01 TP/CC-SCT/HĐGD cùng ngày 18/02/2011 và đồng ý hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số bìa BE 240500 thửa đất số 317, diện tích 1.900m$^2$ (CLN) và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số bìa BE 240501 thửa đất số 319, diện tích 1.500m$^2$ (Trong đó: 300m$^2$ (ONT) và 1.200m$^2$ (CLN)) cùng tờ bản đồ số 01, đất tọa lạc tại xã T, huyện V, tỉnh Đồng Tháp hiện do Hồ Thanh T1 đứng tên quyền sử dụng đất, ngoài ra ông N, Hồ Quốc V, Nguyễn Thị X, Phan Hồng C, Hồ Quốc T3, Hồ Thanh T2, Phan Hồng P, Phan Hồng H, Phan Thị Diễm T5 không yêu cầu nào khác.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Hồ Thanh T1 trình bày:*

Chị T5 thống nhất theo lời trình bày của chị T và ông N nói trên, đồng ý theo yêu cầu của nguyên đơn là hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số 26 và số 27 cùng quyển số 01 TP/CC-SCT/HĐGD cùng ngày 18/02/2011 đối với thửa đất số 317 diện tích 1.900m$^2$ và thửa đất số 319 diện tích 15.00m$^2$ cùng tờ bản đồ số 01 từ hộ ông Hồ Tấn N cho Hồ Thanh T1 vào năm 2011 và đồng ý hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số bìa BE 240500 thuộc thửa đất số 317, diện tích 1900m$^2$ (CLN) và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số bìa BE 240501 thuộc thửa đất số 319, diện tích 1.500m$^2$ (Trong đó: 300m$^2$ (ONT) và 1.200m$^2$ (CLN) cùng tờ bản đồ số 01 hiện do Hồ Thanh T1 đứng tên quyền sử dụng đất. Ngoài ra chị T5 không yêu cầu nào khác.

*- Đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Thị H là ông Lại Hữu H trình bày:*

Đối với 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 317, diện tích 1.900m$^2$ và thửa đất số 319, diện tích 1.500m$^2$ cùng tờ bản đồ số 01, đất tọa lạc tại xã T, huyện V, tỉnh Đồng Tháp do Hồ Thanh T1 đứng tên quyền sử dụng đất hiện do cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện V quản lý, do chị Hồ Thanh T1 thế chấp cho Lê Thị H là con dâu ông H để vay số tiền là 400.000.000 đồng. Vì chị T1 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên chị H có khởi kiện chị T1 tại Tòa án nhân dân huyện V, Tòa án nhân dân huyện V đã giải quyết xong và Cơ quan Thi hành án dân sự huyện V đã có quyết định cưỡng chế kê biên 02 thửa đất trên để thi hành án.

Nay ông H không đồng ý theo yêu cầu của chị T về việc yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho 02 quyền sử dụng đất đối với thửa đất 317 và 319 nói trên và không đồng ý hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số bìa BE 240500 đối với thửa đất số 317, diện tích 1.900m$^2$ (CLN) và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số bìa BE 240501 đối với thửa đất số 319, diện tích 1.500m$^2$ (Trong đó: 300m$^2$ (ONT) và 1.200m$^2$ (CLN) cùng tờ bản đồ số 01, đất tọa lạc tại xã T, huyện V, tỉnh Đồng Tháp hiện do Hồ Thanh T1 đứng tên quyền sử dụng đất. Ngoài ra chị H không yêu cầu nào khác.

Tại công văn số 88/CCTHADS, ngày 25/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V có ý kiến như sau:

*"...Cơ quan Thi hành án đã ra quyết định số 95/QĐ-CCTHADS ngày 23/10/2014 với nội dung:Bà Hồ Thanh T1 trả cho bà Lê Thị H số tiền là 484.000.000 đồng.*

*Qua nhiều lần thỏa thuận thi hành án bà Hồ Thanh T1 chỉ nộp trả bà Lê Thị H được 25.000.000 đồng. Từ đó Chi cục Thi hành án dân sự huyện V ra quyết định kê biên QSD đất số 77/QĐ-CCTHADS ngày 05/10/2016 để kê biên quyền sử dụng đất của bà Hồ Thanh T1 thi hành án.*

*Sau khi Chi cục Thi hành án dân sự huyện V ra quyết định kê biên quyền sử dụng đất của bà Hồ Thanh T1 và tống đạt cho bà T1 theo quy định của pháp luật thì bà Hồ Bích T gửi đơn tại Tòa án nhân dân huyện V tranh chấp phần đất mà Chi cục Thi hành án dân sự huyện V đã ra quyết định kê biên quyền sử dụng đất của bà Hồ Thanh T1. Từ đó Chi cục Thi hành án dân sự huyện V tạm dừng việc thực hiện kê biên quyền sử dụng đất của bà Hồ Thanh T1."*

Tại công văn số 19/UBND-NC ngày 08/02/2018 của Ủy ban nhân dân huyện V có ý kiến như sau:

*"Ngày 01/7/1993, ông Hồ Tấn N được UBND huyện TH (Nay là huyện V) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với tổng diện tích 3.400m$^2$: Thửa 319, tờ bản đồ số 01, diện tích 1.500m$^2$, mục đích sử dụng đất ở 300m$^2$ + đất trồng cây lâu năm 1.200m$^2$ và thửa 317 (Đã điều chỉnh từ thửa 403), tờ bản đồ số 01, diện tích 1.900m$^2$, mục đích sử dụng đất trồng cây lâu năm ), giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B452073, số vào sổ 00702. Qua kiểm tra hồ sơ địa chính đang quản lý và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là* ***cấp cho cá nhân ông Hồ Tấn N.***

*Việc hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất từ Hồ Tấn N cho Hồ Thanh T1 không có Hồ Bích T ký tên vào hợp đồng là đúng theo quy định tại thời điểm đó."*

- Ý kiến của Kiểm sát viên:

+ Từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán chấp hành đúng quy định của pháp luật.

+ Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật.

+ Tại phiên tòa Hội đồng xét xử và thư ký đã tuân thủ theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 99 Luật đất đai. Bác đơn yêu cầu chị Hồ Bích T về việc yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số 26 và số 27 cùng quyển số 01 TP/CC-SCT/HĐGD cùng ngày 18/02/2011 giữa hộ ông Hồ Tấn N với chị Hồ Thanh T1 và hủy 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số bìa BE 240500 thửa đất số 317, diện tích 1900m$^2$ (CLN) và số bìa BE 240501 thửa đất số 319, diện tích 1500m$^2$ (Trong đó: 300m$^2$ (ONT) và 1.200m$^2$ (CLN)) cùng tờ bản đồ số 01, đất tọa lạc tại ấp H, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Tháp hiện do Hồ Thanh T1 đứng tên quyền sử dụng đất.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị Hồ Bích T khởi kiện yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông Hồ Tấn N vớ chị Hồ Thanh T1 vào năm 2011 và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên của chị T5 nên xác định quan hệ pháp luật trong vụ án này là "*Tranh chấp về hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất"* thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án quy định tại khoản 9 Điều 26, khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung:

Nguồn gốc thửa đất số 317, 319 cùng tờ bản đồ số 01 tọa lạc xã T huyện V, tỉnh Đồng Tháp là của ông Hồ Văn Hai là cha của ông Hồ Tấn N để lại cho ông N sử dụng từ năm 1975. Đến năm 1993, UBND huyện TH (Nay là huyện V) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với hai thửa đất trên cho ông N. Đến ngày 18/02/2011, ông Hồ Tấn N cùng các thành viên trong hộ ông N (Hộ gia đình tại thời điểm 2011) làm hợp đồng tặng cho thửa đất số 317 diện tích 1.900m$^2$ và thửa đất số 319 diện tích 1.500m$^2$ cùng tờ bản đồ số 01 cho chị Hồ Thanh T1. Việc làm thủ tục tặng cho này tuy có các thành viên trong hộ ông N đều ký tên (Trừ chị Hồ Bích T, Hồ Thanh T4, Hồ Quốc V) nhưng điều này là không cần thiết vì hai thửa đất trên là cấp cho cá nhân ông N, chỉ cần ông N đồng ý ký tên vào hợp đồng tặng cho là đúng thủ tục theo quy định pháp luật.

Tại công văn số 19/UBND-NC ngày 08/02/2018 của Ủy ban nhân dân huyện V có ý kiến như sau: "*Qua kiểm tra hồ sơ địa chính đang quản lý và giấy*

*chứng nhận quyền sử dụng đất là* ***cấp cho cá nhân ông Hồ Tấn N****. Việc hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất từ Hồ Tấn N cho Hồ Thanh T1 không có Hồ Bích T ký tên vào hợp đồng là đúng theo quy định tại thời điểm đó...*"

Như vậy, có thể khẳng định hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số 26 và số 27 cùng quyển số 01 TP/CC-SCT/HĐGD cùng ngày 18/02/2011 đối với thửa đất số 317, 319, cùng tờ bản đồ số 01 giữa ông Hồ Tấn N và chị Hồ Thanh T1 vào năm 2011 là đúng trình tự, thủ tục luật định và chị T không có tài liệu, chứng cứ nào khác chứng minh cho yêu cầu của mình, nên Hội đồng xét xử bác yêu cầu khởi kiện của chị Hồ Bích T về việc yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số 26 và số 27 cùng quyển số 01 TP/CC-SCT/HĐGD, cùng ngày 18/02/2011 đối với hai thửa đất số 317 và thửa đất số 319, cùng tờ bản đồ số 01 giữa ông Hồ Tấn N với chị Hồ Thanh T1 theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chị Hồ Thanh T1 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sau khi nhận tặng cho từ ông Hồ Tấn N đối với hai thửa đất nói trên là đúng quy định pháp luật quy định điểm c khoản 1 Điều 99 của Luật Đất đai, nên yêu cầu của chị T về việc yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số 26 và số 27 cùng quyển số 01 TP/CC-SCT/HĐGD cùng ngày 18/02/2011 giữa ông Hồ Tấn N với chị Hồ Thanh T1 và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số bìa BE 240500 số vào sổ CH 00541 đối với thửa đất số và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số bìa BE 240501, số vào sổ CH 00540 đối với thửa đất số 319 cùng tờ bản đồ số 01 cùng cấp vào ngày 11/3/2011, đất tọa lạc tại xã T, huyện V, tỉnh Đồng Tháp hiện do Hồ Thanh T1 đứng tên quyền sử dụng đất là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

Đối với ý kiến của bị đơn ông Hồ Tấn N, ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Hồ Thanh T1 và ý kiến của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan mà ông N đại diện theo ủy quyền: Mặc dù ông N, chị T5 và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong gia đình ông N đồng ý hủy 02 hợp đồng tặng cho, đồng ý hủy 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 317, 319 nói trên của Hồ Thanh T1 đứng tên quyền sử dụng đất nhưng không có cơ sở nên không được chấp nhận vì việc ông N tặng cho 02 thửa đất số 317 và 319, cùng tờ bản đồ số 01 cho chị T5 vào năm 2011 là hoàn toàn tự nguyện, để chị T5 đi vay vốn làm ăn và hợp đồng tặng cho là hợp đồng đơn vụ, phụ thuộc vào ý chí tự nguyện của bên cho là ông N, bên nhận là chị T5 không cần có nghĩa vụ gì đối với bên cho, thêm nữa trình tự, thủ tục làm hợp đồng tặng cho này đúng theo quy định pháp luật quy định tại Điều 457, 459 Bộ luật dân sự và đã có hiệu lực pháp luật chị T5 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật.

Xét ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Thị H người đại diện theo ủy quyền là ông Lại Hữu H: 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 317 và thửa 319 do chị Hồ Thanh T1 đứng tên quyền sử dụng đất, chị T5 đã thế chấp cho chị Lê Thị H để vay số tiền là 400.000.000 đồng. Do chị T5 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, nên chị H khởi kiện tại Toàn

án huyện V, Tòa án huyện V đã giải quyết xong và Cơ quan Thi hành án dân sự đã có quyết định cưỡng chế kê biên 02 thửa đất trên để thi hành án. Nay chị H không đồng ý theo yêu cầu của chị T, ông N, chị T5 về việc hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số 26 và số 27 cùng quyển số 01 TP/CC-SCT/HĐGD cùng ngày 18/02/2011 và không đồng ý hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng của chị T5 là có căn cứ và phù hợp với quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của chị Hồ Bích T không được chấp nhận, nên chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[5] Về chi phí tố tụng:

Do không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hồ Bích T, nên chị Hồ Bích T phải chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá là 5.604.000 đồng, số tiền 5.604.000 đồng này chị T đã tạm nộp chi xong, chị T không phải nộp thêm.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

*Căn cứ vào Điều 91; khoản 3 Điều 26, Điều 147, Điều 235 Bộ luật tố tụng dân sự.*

*Căn cứ Điều 457, 459 của Bộ luật dân sự; Điều 99 của Luật đất đai;*

*Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH 14 về án phí, lệ phí Tòa án.*

*Tuyên xử:*

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hồ Bích T đối với ông Hồ Tấn N về việc yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số 26 và số 27 cùng quyển số 01 TP/CC-SCT/HĐGD cùng ngày 18/02/2011 và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số bìa BE 240500, số vào sổ CH 00541 đối với thửa đất số 317, diện tích 1900m$^2$ (CLN) và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số bìa BE 240501, số vào sổ CH 00540 đối với thửa đất số 319, diện tích 1500m$^2$ (Trong đó: 300m$^2$ (ONT) và 1.200m$^2$ (CLN)) cùng tờ bản đồ số 01 cùng cấp vào ngày 11/3/2011, đất tọa lạc tại xã T, huyện V, tỉnh Đồng Tháp hiện do Hồ Thanh T1 đứng tên quyền sử dụng đất.

2. Về án phí: Chị Hồ Thị Bích T phải nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị T đã nộp theo biên lai số 16492 ngày 30/6/2017 Của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, chị T không phải nộp thêm.

3. Về chi phí tố tụng: Chị Hồ Bích T phải chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá là 5.604.000 đồng, số tiền 5.604.000 đồng này chị T đã tạm nộp chi xong, chị T không phải nộp thêm.

Án xử công khai có mặt các bên đương sự báo cho các bên đương sự biết được quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án,quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện V;
- CCTHADS huyện V;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*Đã Ký*

**Lê Quan Nam**